

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/DS-PT

Ngày: 14 – 6 – 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 395/2023/QĐ-HPT ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1961; cư trú tại số 22/6 H, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1959. Luật sư của Văn phòng Luật sư Thành Đ - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Vương Thị T, sinh năm 1971; cư trú tại số 113 (cũ 48) B, Phường B, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Vương Thị Kim Th, sinh năm 1967; cư trú tại Chung cư B – 408, chung cư N, Phường H, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1968; cư trú tại số 52B P, Phường T, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Chị Vy Trịnh Thu O, sinh năm 1985; cư trú tại số 11/2 Q, Phường C, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

2/ Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1979; cư trú tại số 386 P, Phường H, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

3/ Bà Đỗ Thị Bích V, sinh năm 1983; cư trú tại tổ H, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị H - Nguyên đơn; bà Vương Thị T - Bị đơn; bà Vương Thị Kim Th - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị H:

Ngày 28/9/2018, bà H và bà Vương Thị T thỏa thuận ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 48 (số mới 113) B, Phường B, thành phố ĐL thuộc thửa số 1003, tờ bản đồ 24 (C49-I-(45C)) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/10/2019 với giá 7.000.000.000 đồng (tại thời điểm hai bên ký hợp đồng đặt cọc giấy chứng nhận đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV chi nhánh CLĐL). Sau khi ký hợp đồng đặt cọc bà H giao cho bà T 3.000.000.000 đồng để bà T trả tiền cho Ngân hàng BIDV lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra giao cho bà H. Số tiền còn lại bà H sẽ giao cho bà T sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho bà H; nhưng cho đến ngày 24/12/2020, bà T không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho bà H, nên Huệ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T trả cho bà H tổng số tiền là 9.000.000.000đ (trong đó 3.000.000.000đ tiền cọc và 6.000.000.000đ tiền phạt cọc). Ngày 19/4/2021, bà Trần Thị H khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà T trả cho bà H tổng số tiền gốc và lãi là 506.732.728 đồng, trong đó số tiền gốc là 426.400.000 đồng theo các giấy nợ ghi ngày 28/9/2018, ngày 09/12/2019, ngày 29/4/2020, ngày 11/9/2020, ngày 28/10/2020 và số tiền lãi là 80.332.728 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận để đảm bảo cho khoản vay 3.000.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 28/9/2018 nên bà T có giao cho bà giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/10/2019; đồng thời hai bên ký hợp đồng đặt cọc về việc mua bán nhà, đất thuộc thửa số 1003, tờ bản đồ 24 (C49-I-(45C)) tại số 48 (số mới 113) B, Phường B, thành phố ĐL theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để làm tin. Do vậy, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện không tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà T mà thay đổi

yêu cầu khởi kiện sang tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà T, cụ thể bà H yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà T trả cho bà H tổng số tiền là 5.632.607.820 đồng (trong đó, tiền gốc là 3.426.400.000 đồng và số tiền lãi là 2.206.207.820 đồng) theo các khoản vay cụ thể như sau:

- Ngày 28/9/2018, bà T vay 3.000.000.000đ để trả cho Ngân hàng BIDV chi nhánh CL- ĐL. Tiền lãi: $3.000.000.000đ \times 1,667\%/tháng \times 41$ tháng (tính đến ngày 28/3/2022) = 2.050.410.000đ.

- Ngày 28/9/2018, bà T vay 56.400.000đ để trả tiền lãi cho Ngân hàng BIDV chi nhánh CL- ĐL. Tiền lãi: $56.400.000đ \times 1,667\%/tháng \times 40$ tháng (tính đến ngày 28/3/2022) = 37.607.520đ.

- Ngày 09/12/2019, bà T vay 50.000.000đ để đóng tiền thi hành án. Tiền lãi: $50.000.000đ \times 1,667\%/tháng \times 27$ tháng (tính đến ngày 28/3/2022) = 22.504.500đ.

- Ngày 29/4/2020, bà T vay 20.000.000đ. Tiền lãi: $20.000.000đ \times 1,667\%/tháng \times 22$ tháng (tính đến ngày 28/3/2022) = 7.334.800đ.

- Ngày 11/9/2020, bà T vay 30.000.000đ. Tiền lãi: $30.000.000đ \times 1,667\%/tháng \times 18$ tháng (tính đến ngày 28/3/2022) = 9.001.800đ.

- Ngày 21/9/2020, bà T vay 170.000.000đ để trả thi hành án. Tiền lãi: $170.000.000đ \times 1,667\%/tháng \times 18$ tháng (tính đến ngày 28/3/2022) = 51.010.200đ.

- Ngày 28/10/2020, bà T vay 100.000.000đ để trả thi hành án. Tiền lãi: $100.000.000đ \times 1,667\%/tháng \times 17$ tháng (tính đến ngày 28/3/2022) = 28.339.000đ.

Tại Biên bản thỏa thuận và cam kết ngày 23/4/2020 giữa bà Trần Thị H, bà Vương Thị Kim Th và bà Vương Thị T, các bên thỏa thuận bà Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 2.150.000.000 đồng (theo hợp đồng vay ngày 28/9/2018 giữa bà T với bà H, trong đó có 150.000.000 đồng tiền lãi bà T đã trả cho Ngân hàng BIDV và tại khoản 4 của biên bản thỏa thuận này các bên còn thỏa thuận bà T phải có trách nhiệm rút đơn khởi kiện vụ án thụ lý số 163/2019.TLST-DS ngày 22/7/2019 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” giữa bà Vương Thị T với bà Vương Thị Kim Th. Sau khi ký kết văn bản thỏa thuận trên, bà T không rút đơn khởi kiện theo thỏa thuận mà đến ngày 09/6/2020 Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã công nhận sự thỏa thuận của các bên theo Quyết định công nhận thỏa thuận số 15/2020/QĐST-DS nên biên bản thỏa thuận này không còn giá trị bởi các bên không thực hiện theo đúng thỏa thuận đã giao kết.

Ngày 28/8/2022, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 370.000.000 đồng, đồng thời khởi kiện bổ sung yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm/ 3.056.400.000 đồng (tiền gốc), tiền lãi tính từ ngày 28/9/2018.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Vương Thị T Tầm về việc yêu cầu bà Trần Thị H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H đồng ý trả lại

bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T sau khi bà T trả hết số nợ trên cho bà.

Theo lời trình bày của bị đơn bà Vương Thị T:

Bà T thừa nhận giữa bà và bà H có ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất thuộc thửa số 1003, tờ bản đồ 24 (C49-I-(45C)) tại 48 B, Phường B, thành phố ĐL theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/10/2019 nhưng thực tế giữa bà và bà H không có việc thỏa thuận mua bán đối với nhà đất trên, hợp đồng đặt cọc này chỉ nhằm đảm bảo cho việc bà vay số tiền 3.056.400.000 đồng của bà H vào ngày 28/9/2018. Sau khi vay, bà đã trả cho bà H được 600.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể: ngày 11/10/2018 bà T trả 200.000.000 đồng, ngày 28/3/2019 bà T trả 400.000.000 đồng. Hiện bà còn nợ bà H 2.456.400.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, ngày 23/4/2020 giữa bà T, bà Vương Thị Kim Th và bà H có thỏa thuận với nhau bà Vương Thị Kim Th sẽ có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 2.150.000.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) theo hợp đồng vay tiền giữa bà T và bà H ngày 28/9/2018. Còn việc bà Th đã thanh toán số tiền 2.150.000.000 đồng cho bà H chưa thì bà T không nắm rõ. Do vậy, bà T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ngày 16/9/2022, bà T có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CD541729 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/10/2019.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th:

Bà Th đã thi hành một phần Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương số 15/2020/QĐST-DS ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL, theo Quyết định thi hành án số 123/QĐ-CCTHADS ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL. Trường hợp bà T yêu cầu bà trả nợ cho bà H thì bà không có nghĩa vụ tiếp tục thi hành Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 15/2020/QĐST-DS ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL đối với bà T. Tuy nhiên, bà vẫn đồng ý trả nợ cho bà H số tiền 2.150.000.000 đồng theo thỏa thuận giữa bà Th, bà H, bà T ngày 23/4/2020 và trong trường hợp này bà H phải rút đơn khởi kiện đối với bà T.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành ĐL:

Đối với nội dung chưa trả kết quả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD541729 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 cho bà Vương Thị T và bà Vương Thị Kim Th. Ngày 10/9/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL nhận hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Lê Thị Thu H1 tại thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 24, Phường B, thành phố ĐL theo Giấy chứng nhận đất số CD 541729 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016. Sau khi kiểm tra hồ sơ đảm bảo quy định, Chi nhánh

đã xác nhận biến động trang 4, chủ sử dụng là bà Vương Thị T và bà Lê Thị Thu H1 vào ngày 26/11/2021. Hiện nay, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL chưa trả được kết quả bản chính Giấy chứng nhận đất số CD 541729 cho bà Vương Thị T và bà Lê Thị Thu H1 là do các chủ cùng sử dụng đất không thống nhất trong việc nhận giấy chứng nhận. Việc này, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng đã có văn bản số 559/VPĐKĐĐ ngày 29/8/2022 V/v xử lý đơn của công dân, là bà Vương Thị T.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H1:

Sau khi mua trúng đấu giá diện tích đất là 111,62m² là tài sản kê biên thi hành án đối với bà Vương Thị Kim Th, trên đất có căn nhà cấp 4 với giá 3.110.000.000 đồng và hoàn tất hồ sơ tại Cơ quan đấu giá thì bà được biết bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 cho bà Vương Thị T và bà Vương Thị Kim Th, bà T đã thế chấp cho bà Trần Thị H. Do vậy, ngày 05/9/2021, bà có mượn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 cho bà Vương Thị T và bà Vương Thị Kim Th từ bà Trần Thị H để làm thủ tục sang tên từ bà Vương Thị Kim Th cho bà. Để đảm bảo cho việc mượn giấy chứng nhận này, bà có thế chấp bản chính giấy tờ xe ô tô nhãn hiệu THACO biển số 49C-033.95 đứng tên bà cho bà H. Thời hạn mượn: cho đến khi hoàn tất việc sang tên từ bà Th sang cho bà, khi nào bà giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà H thì bà H sẽ trả lại bà giấy tờ xe ô tô nhãn hiệu THACO biển số 49C-033.95.

Sau khi mượn được bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà H, bà H1 đã liên hệ với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL tiến hành các thủ tục đăng ký biến động theo quy định. Hiện hồ sơ cập nhật biến động bà cùng đứng tên đồng sở hữu, đồng sử dụng với bà Vương Thị T trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 đã hoàn tất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL đã có công văn yêu cầu bà và bà T lên nhận lại Giấy chứng nhận số CD541729 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 nhưng bà T không đồng ý cho bà nhận lại bản chính giấy chứng nhận này để trả cho bà H nên hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vẫn do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL lưu giữ.

Việc vay mượn giữa bà H với bà T như thế nào bà không biết cũng không có liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 đang được lưu giữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL, bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được nhận lại bản chính giấy chứng nhận này để trả lại cho bà H theo đúng bản cam kết về việc mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên giữ bà và bà H ngày 05/9/2021.

Theo lời trình bày của người làm chứng bà Đỗ Thị Bích V:

Bà là kế toán của Công ty TNHH Huệ Nhật Tân do bà Trần Thị H làm chủ và cũng là người trực tiếp đưa tiền của bà H cho bà T mượn cụ thể như sau:

Ngày 09/12/2019, bà T đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 50.000.000 đồng, bà gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 50.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, tôi giao số tiền 50.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 11/9/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 30.000.000 đồng, bà gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 30.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, bà giao số tiền 30.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 21/9/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 170.000.000 đồng, bà gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 170.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, giao số tiền 170.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 29/4/2020, bà T đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng, bà gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, giao số tiền 20.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 02/10/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng, bà gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, giao số tiền 20.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 28/10/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 100.000.000 đồng, bà gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 100.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, bà giao số tiền 100.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Theo lời trình bày của người làm chứng chị Vy Thị Thu O:

Chị là kế toán của Công ty TNHH Huệ Nhật Tân do bà Trần Thị H làm chủ.

Ngày 09/12/2019, bà T đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 50.000.000 đồng, bà trực tiếp chứng kiến chị Đỗ Thị Bích V gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 50.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, chị Vân giao số tiền 50.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 11/9/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 30.000.000 đồng, bà cũng chứng kiến chị Đỗ Thị Bích V gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 30.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, chị Vân giao số tiền 30.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 21/9/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 170.000.000 đồng, bà cũng chứng kiến chị Đỗ Thị Bích V gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 170.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, chị Vân giao số tiền 170.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 29/4/2020, bà T đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng, bà cũng chứng kiến chị Đỗ Thị Bích V gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, chị Vân giao số tiền 20.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 02/10/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng, bà cũng chứng kiến chị Đỗ Thị Bích V gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, chị Vân giao số tiền 20.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Ngày 28/10/2020, bà T lại đến trụ sở Công ty tại 63 Q, Phường C, thành phố ĐL nói đã gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 100.000.000 đồng, bà cũng chứng kiến chị Đỗ Thị Bích V gọi điện cho bà H xác nhận lại việc bà T có gọi điện cho bà H hỏi mượn số tiền 100.000.000 đồng không. Sau khi xác nhận, chị Vân giao số tiền 100.000.000 đồng cho bà T và yêu cầu bà T viết giấy mượn tiền.

Theo lời trình bày của người làm chứng bà Hoàng Thị H2:

Bà là kế toán của Công ty TNHH Huệ Nhật Tân do bà Trần Thị H làm chủ và cũng là người chứng kiến việc bà T xuống Công ty mượn tiền của bà H (do chị Đỗ Thị Bích V) giao trực tiếp tại trụ sở Công ty TNHH Huệ Nhật Tân; địa chỉ: 63 Q, Phường C, thành phố ĐL như lời trình bày của chị Vy Thị Thu Oanh là hoàn toàn đúng sự thật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL. Xử.

1- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với số tiền gốc 370.000.000đ theo các giấy nợ ghi ngày 09/12/2019, ngày 29/4/2020, ngày 11/9/2020, ngày 28/10/2020 và số tiền lãi theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2021.

2- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu bà Trần Thị H, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016.

3- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H buộc bà Vương Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền 3.787.346.000đ (*Ba tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 2.656.400.000đ (*Hai tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*), tiền lãi là 1.130.946.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 17/01/2023, nguyên đơn bà Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 27/01/2021, bị đơn bà Vương Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vương Thị T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th.

Bị đơn bà Vương Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th vẫn giữ nguyên kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H và không chấp nhận kháng cáo của bà T, bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vương Thị T và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th. Sửa Bản án sơ thẩm để tuyên xử tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 313/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc ngày 28/9/2018 giữa bà Trần Thị H với bà Vương Thị T có ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1003, tờ bản đồ 24 (C49-I-(45C)) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2019 tại số 48 (số mới 113) B, Phường B, thành phố ĐL. Trong quá

trình giải quyết vụ án bà H và bà T đều thừa nhận các bên ký kết hợp đồng đặt cọc trên chỉ nhằm mục đích đảm bảo cho khoản vay 3.000.000.000 đồng bà T vay của bà H. Nay các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H; kháng cáo của bị đơn bà Vương Thị T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th thấy rằng:

[2.1] Bà T có vay của bà H tổng số tiền 3.426.000.000 đồng. Cụ thể:

Ngày 28/9/2018, vay số tiền 3.000.000.000 đồng, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD541729 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 đối với thửa đất số 1103, tờ bản đồ 24 (C49-I(45c)) tại số 48 B, Phường B, thành phố ĐL, thời gian vay là từ ngày 28/9/2018 đến 08/10/2018. Cùng ngày 28/9/2018 vay thêm số tiền 56.400.000 đồng; ngày 09/12/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 29/4/2020 vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 11/9/2020 vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 21/9/2020 vay số tiền 170.000.000 đồng và ngày 28/10/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền 5.632.607.820 đồng (trong đó tiền gốc là 3.426.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/03/2022 là 2.206.207.820 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/8/2022 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 370.000.000 đồng mà bà T đã vay vào các ngày 29/4/2020 số tiền 20.000.000 đồng; ngày 11/9/2020 số tiền 30.000.000 đồng; ngày 21/9/2020 số tiền 170.000.000 đồng và ngày 28/10/2020 số tiền 100.000.000 đồng. Bà H yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền 4.358.826.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.056.400.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/9/2018 đến ngày ngày xét xử (11/01/2023) là 1.302.426.000 đồng).

Bị đơn bà Trần Thị Tầm thừa nhận ngày 28/9/2018 bà có vay của bà H số tiền 3.056.400.000 đồng như bà H trình bày. Tuy nhiên, sau khi vay thì bà đã trả cho bà H được tổng cộng 600.000.000 đồng (ngày 11/10/2018 trả 200.000.000 đồng và ngày 05/12/2018 trả 400.000.000 đồng); đến ngày 23/4/2020, giữa bà với bà H và bà Vương Thị Kim Th có lập văn bản thỏa thuận với nhau về việc bà Th sẽ có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 2.000.000.000 đồng tiền gốc và 150.000.000 đồng tiền lãi của khoản tiền vay 3.000.000.000 đồng ngày 28/9/2018 nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H; đồng thời có yêu cầu phản tố buộc bà H và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL cùng có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 cho bà.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận số tiền vay và thời gian vay, cũng như có việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ theo Văn bản thỏa thuận và cam kết ngày 23/4/2020; căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là những

tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2.3] Bà T cho rằng sau khi vay, bà đã trả cho bà H được tổng cộng 600.000.000 đồng (ngày 11/10/2018 trả 200.000.000 đồng và ngày 05/12/2018 trả 400.000.000 đồng). Tại biên bản đối chất ngày 19/5/2022 thì bà H thừa nhận ngày 11/10/2018 bà T có trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng và ngày 05/12/2018 trả số tiền 400.000.000 đồng nhưng đây là khoản tiền bà T trả cho khoản vay khác không phải trả cho khoản vay 3.000.000.000 đồng ngày 28/9/2018. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/8/2022, bà H cung cấp chứng cứ chứng minh là ngày 06/6/2018 bà T có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 200.000.000 đồng mà bà T trả cho bà H vào ngày 11/10/2018 là trả cho giấy vay tiền ngày 06/6/2018 là có căn cứ. Còn số tiền 400.000.000 đồng bà T trả ngày 05/12/2018 thì bà H không cung cấp được tài liệu để chứng minh trước đó có cho bà Tâm vay số tiền 400.000.000 đồng trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 400.000.000 đồng mà bà T trả cho bà H vào ngày 05/12/2018 là trả cho khoản vay 3.000.000.000 đồng ngày 28/9/2018 là phù hợp.

[2.4] Đối với văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2020, giữa bà T với bà H và bà Vương Thị Kim Th về việc bà Th có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 2.000.000.000 đồng tiền gốc và 150.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 3.000.000.000 đồng theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 28/9/2018 giữa bà H với bà T thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th yêu cầu được trả số tiền 2.150.000.000 đồng cho bà H thay bà T theo văn bản thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trên. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận trên giữa các bên thỏa thuận nhiều nội dung trong đó có nội dung thỏa thuận liên quan đến nhà và đất tại số 48 B, Phường B, thành phố ĐL và việc bà T phải rút đơn khởi kiện vụ án thụ lý số 163/2019/TLST-DS ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” giữa bà T với bà Th (bà T không khởi kiện bà Th số tiền 3.000.000.000 đồng), nhưng bà T không thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận; cụ thể là không rút đơn khởi kiện và vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố ĐL giải quyết bằng Quyết định công nhận thỏa thuận số 15/2020/QĐST-DS ngày 09/6/2020, Quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật, tại phiên tòa bà T thừa nhận bà Th đã thi hành được số tiền 1.218.471.511 đồng nên việc chuyển giao nghĩa vụ tại Văn bản thỏa thuận ngày 23/4/2020 không có hiệu lực. Do đó, bà Th, bà T đề nghị Tòa án công nhận Văn bản thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ ngày 23/4/2020 giữa bà T với bà H và bà Vương Thị Kim Th là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T có nghĩa vụ trả số tiền vay theo hợp đồng mượn tiền ngày 28/9/2018 cho bà H là có căn cứ.

[2.5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 28/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (11/01/2023) với số tiền 1.302.426.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Theo Hợp đồng cho mượn tiền ngày 28/9/2018 và lời khai của bà H tại biên bản hòa giải ngày 16/10/2018 thì quan hệ vay mượn tiền giữa bà H và bà T không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ*

hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác’.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tính lãi suất chậm trả với số tiền 1.130.946.856 đồng để buộc bà T thanh toán cho bà H số tiền lãi trên là có căn cứ. Cụ thể:

- Đối với số tiền gốc 56.400.000 đồng từ ngày 29/8/2018 đến ngày 05/12/2018 (02 tháng 07 ngày): $56.400.000đ \times 0,83\% \times 02 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 1.042.836 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 09/10/2018 đến ngày 05/12/2018 (01 tháng 26 ngày): Số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng $\times 0,83\% \times 01 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 45.960.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 06/12/2018 đến ngày 11/01/2023 (49 tháng 05 ngày): Số tiền gốc là 2.656.400.000 đồng $\times 0,83\% \times 49 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 1.083.944.020 \text{ đồng}$.

Như vậy, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà H tổng số tiền 3.787.346.000 đồng (trong đó 2.656.400.000 đồng tiền gốc và 1.130.946.856 đồng tiền lãi).

[3] Đối với việc ngày 29/8/2022, bà H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền bà H cho bà T vay vào các ngày 09/12/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng; ngày 29/4/2020 vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 11/9/2020 vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 21/9/2020 vay số tiền 170.000.000 đồng và ngày 28/10/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 370.000.000 đồng; đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm bà T rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà H và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016 cho bà T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố trên của bà H và bà Tâm là có căn cứ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, bà H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” là số tiền 1.218.471.511 đồng của bà Vương Thị T tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL theo Quyết định thi hành án số 123/CC-THA ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL. Ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố ĐL đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 313/2021/QĐ-BPKCTT “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với tài sản nói trên của bà T.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng lại không tuyên tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời trên là thiếu sót. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm để tuyên xử tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên. Việc hủy bỏ Quyết định vừa nêu được

thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, kháng cáo của bị đơn bà Vương Thị T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bà H, bà T, bà Th không được chấp nhận nên bà H, bà T, bà Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay bà H đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H miễn toàn bộ án phí nên Tòa án cấp phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm cho bà H là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vương Thị T.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Kim Th.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

Tuyên xử:

1- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với số tiền gốc 370.000.000đ theo các giấy nợ ghi ngày 09/12/2019, ngày 29/4/2020, ngày 11/9/2020, ngày 28/10/2020 và số tiền lãi theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/4/2021.

2- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu bà Trần Thị H, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố ĐL trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD541729 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/10/2016

3- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H buộc bà Vương Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền 3.787.346.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu

ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 2.656.400.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng), tiền lãi là 1.130.946.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

4- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 313/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL.

5- Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 58.500.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003473 ngày 29/12/2020 và số tiền 12.135.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0003823 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL.

Buộc bà Vương Thị T phải chịu 107.747.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002132 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐL. Bà Vương Thị T còn phải nộp thêm số tiền 107.447.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị H.

Buộc bà Vương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011410 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL. Bà T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Buộc bà Vương Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011430 ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐL. Bà Th đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

6- Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Tp. ĐL (01);
- Chi cục Tp. ĐL (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Đường sự (08);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Tâm

